

SỞ Y TẾ QUẢNG BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
HUYỆN BỐ TRẠCH
Số: 1312/TM-BVĐK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bố Trạch, ngày 13 tháng 6 năm 2024

THƯ MỜI THẨM ĐỊNH GIÁ

Kính gửi: Các Công ty thẩm định giá.

Bệnh viện đa khoa huyện Bố Trạch đang có nhu cầu mua sắm hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2024. Nay thông báo đến các công ty có đủ năng lực và kinh nghiệm thẩm định giá đáp ứng yêu cầu tham gia gửi hồ sơ năng lực kinh nghiệm thẩm định giá đến bệnh viện đa khoa huyện Bố Trạch

- Thời gian nhận hồ sơ năng lực kinh nghiệm: Từ ngày 13 tháng 6 năm 2024 đến hết ngày 19 tháng 6 năm 2024.

Kính mời nhà thầu quan tâm và đủ điều kiện gửi hồ sơ đáp ứng thẩm định giá đến Bệnh viện đa khoa huyện Bố Trạch (Trong giờ hành chính). Địa chỉ: Tổ dân phố 5 – thị trấn Hoàn Lão – huyện Bố Trạch – tỉnh Quảng Bình.

Mọi chi tiết xin liên hệ: Bà: Nguyễn Hải Sâm - Cán bộ phòng KHTH, Số điện thoại: 0988.688.242.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



Nguyễn Tất Thắng

PHỤ LỤC

(Kèm theo thư mời số: 1312/TM-BVĐK ngày 13 tháng 6 năm 2024)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
I	Huyết học			
1	Dung dịch pha loãng cho máy xét nghiệm huyết học tự động 5 thành phần bạch cầu	Dung dịch pha loãng sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 hoặc 5 thành phần bạch cầu. Thành phần: Natri clorid (<1%), dung dịch đệm (<1,1%), chất bảo quản (<0,4%), chất ổn định (<0,4%), nước khử ion. Quy cách đóng gói: 20L/Hộp	Hộp	45
2	Dung dịch rửa máy thường quy cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần bạch cầu	Dung dịch rửa sử dụng cho quy trình phân tích tự động. Thành phần: Chất tẩy rửa <1.0%), đệm (<0.5%), Chất ổn định (<0,5%), nước khử ion" Quy cách đóng gói: 1L/Bình	Bình	18
3	Hóa chất ly giải hồng cầu cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần bạch cầu	Dung dịch ly giải sử dụng cho quy trình phân tích tự động. Thành phần: Chất hoạt động bề mặt (<3,5%), đệm (<1,0%), chất bảo quản (<0,5%), chất ổn định (<0,5%), nước khử ion." Quy cách đóng gói: 1L/Bình	Bình	30
4	Dung dịch rửa máy hằng ngày cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần bạch cầu	Dung dịch rửa đậm đặc chứa hypoclorit sử dụng cho máy xét nghiệm huyết học tự động 5 thành phần bạch cầu. Thành phần: Chất tẩy rửa (<1,0%), Natri hypoclorit (<5,0%), Natri hydroxid (<0.5%), chất ổn định (<0,5%), Nước khử ion. Quy cách đóng gói: 100ml/Bình	Bình	1
5	Bộ 3 mức chất kiểm chứng cho máy xét nghiệm huyết học tự động 3 thành phần bạch cầu	Chất kiểm chứng huyết học dùng cho máy huyết học tự động 3 thành phần bạch cầu Quy cách đóng gói: 2x3x3ml/Hộp	Hộp	2
6	Dung dịch pha loãng dùng cho xét nghiệm huyết học	Sử dụng như một dung dịch đệm pha loãng đẳng trương kết hợp với một tác nhân ly giải không chứa cyanide dùng để đếm và định cỡ các tế bào máu trên hệ thống phân tích tế bào tự động. Thành phần: Sodium Sulfate 13.73 g/L, Sodium Chloride 1.04 g/L, Tetracaine HCL 0,02 g/L, Imidazole 2,85 g/L	Hộp	222

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
		Quy cách đóng gói: 10L/Hộp		
7	Dung dịch ly giải dùng cho xét nghiệm huyết học	Chất ly giải hồng cầu để định lượng hemoglobin, đếm NRBC, đếm và đo kích thước bạch cầu trên hệ thống phân tích tế bào huyết học. Thành phần: Quaternary Ammonium Salts 5-80 g/L, Sodium Sulfite 1-5 g/L, Chất ổn định, Chất đệm Quy cách đóng gói: 5L/Hộp	Hộp	9
8	Hóa chất dùng để chuẩn bị mẫu (ly giải hồng cầu và bảo vệ bạch cầu) cho xét nghiệm huyết học	Hóa chất để thực hiện phân tích năm thành phần bạch cầu trong một mẫu máu, sử dụng công nghệ VCSn. Thành phần gồm hai loại hóa chất: - Hóa chất Erythrolyse gồm: yếu tố làm ấm 0.3-1.5g/L, Formic Acid 1.2 mL/L - Hóa chất StaliLyse gồm: Sodium Carbonate 6 g/L, Natri clorua 14,5 g/L, Natri sunfat 31,3 g/L Quy cách đóng gói: 1900mL+850mL/Hộp	Hộp	13
9	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Hóa chất để sử dụng như một chất làm sạch cho các bộ phận của máy phân tích tế bào tự động khi tiếp xúc với máu. Thành phần: Dung dịch chứa enzym phân giải protein Quy cách đóng gói: 10L/Hộp	Hộp	12
10	Chất kiểm chuẩn dùng trên máy phân tích huyết học	Hóa chất kiểm chuẩn huyết học được sử dụng để theo dõi sự hoạt động của máy huyết học. Thành phần: gồm hồng cầu được ổn định trong môi trường đẳng trương, thành phần giống tiểu cầu và hồng cầu cố định mô phỏng bạch cầu và hồng cầu có nhân. Quy cách đóng gói: 4x3.5mLLevelI, 4x3.5mLLevelII, 4x3.5mLLevelIII/Hộp	Hộp	2
11	Chất kiểm chuẩn máy dùng hiệu chỉnh thông số VCS trên máy phân tích huyết học	Hóa chất được chỉ định sử dụng trên hệ thống phân tích tế bào tự động kết hợp các hóa chất phân tích để theo dõi giá trị phép đo các thông số về thể tích, độ dẫn, tán xạ. Thành phần: một dung dịch chứa các hạt nhựa polystyrene trong chất đệm chứa chất hoạt tính bề mặt Quy cách đóng gói: 1x4ml/Lọ	Lọ	1
12	Chất chuẩn máy dùng trên máy phân tích huyết học	Chất chuẩn dùng để chỉnh hệ số trên hệ thống phân tích tế bào tự động	Hộp	1

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
		được liệt kê trong bảng trong tờ insert, kết hợp với thuốc thử cụ thể. Thành phần: gồm hồng cầu người, thành phần có kích thước tiểu cầu được ổn định trong môi trường đẳng trương Hồng cầu cố định được thêm vào để mô phỏng bạch cầu Quy cách đóng gói: 1x3.3mL/Hộp		
13	Dung dịch nhuộm hồng cầu lưới dùng cho xét nghiệm huyết học	Hóa chất được chỉ định sử dụng trên hệ thống phân tích tế bào tự động để làm sạch hồng cầu và nhuộm hồng cầu lưới. Thành phần: + Reagent A- Retic Stain: New Methylene Blue trong dung dịch đậm 0.06% (w/v) + Reagent B- Retic Clear: Sulfuric Acid với chất ổn định 0,15% Quy cách đóng gói: 1900mL+380mL/Hộp	Hộp	1
II	Sinh hóa			
14	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Alanine Aminotransferase (ALT/GPT)	Phương pháp: IFCC; Dải đo: 8.5 - 500 U/L. Quy cách đóng gói: 8x60ml+8x15mL/Hộp	Hộp	9
15	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	Dạng dung dịch, thành phần: dung dịch đậm, chứa: đậm amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat. Quy cách đóng gói: 2x5mL/Hộp	Hộp	2
16	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	Dạng dung dịch, thành phần: dung dịch đậm, chứa: amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat. Quy cách đóng gói: 3x5mL/Hộp	Hộp	1
17	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	Dạng dung dịch, thành phần: dung dịch đậm, chứa: amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat. Quy cách đóng gói: 3x5mL/Hộp	Hộp	1
18	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Aspartate Aminotransferase (AST/GOT)	Phương pháp: IFCC; Dải đo: 7.15 - 500 U/L. Quy cách đóng gói: 8x60ml+8x15mL/Hộp	Hộp	14
19	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	Phương pháp: DICHLOROPHENYL DIAZONIUM; Dải đo: 0.09 - 15 mg/dL. Quy cách đóng gói: 4x60ml+4x15mL/Hộp	Hộp	1
20	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin toàn phần	Phương pháp: DICHLOROPHENYL DIAZONIUM; Dải đo: 0.211 - 38 mg/dL (3.61 - 650 μ mol/L). Quy cách đóng gói:	Hộp	1

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
		8x60ml+8x15mL/Hộp		
21	Chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người. Quy cách đóng gói: 5x5mL/Hộp	Lọ	7
22	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1	Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh bò. Quy cách đóng gói: 1x5ml/Lọ	Lọ	9
23	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2	Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người. Quy cách đóng gói: 5x5mL/Hộp	Lọ	5
24	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol	Phương pháp: Cholesterol oxidase/peroxidase;Dải đo:4.2 - 1000 mg/dL (0.109 - 26 mmol/L). Quy cách đóng gói: 10x60mL/Hộp	Hộp	11
25	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol HDL Direct	Dải đo: 2.72-180 mg/dL (0,07 – 4,66 mmol/L) Phương pháp đo quang. Quy cách đóng gói: 4x60 mL + 4x20 mL/Hộp	Hộp	25
26	Chất chuẩn cho xét nghiệm HDL/LDL CHOLESTEROL DIRECT	Dạng bột đông khô, chứa huyết thanh người. Quy cách đóng gói: 1x1mL/Hộp	Hộp	9
27	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol LDL Direct	Dải đo: 1.54-700 mg/dL (0,04-18,1 mmol/L) Phương pháp đo quang. Quy cách đóng gói: 2x60 mL + 2x20 mL/Hộp	Hộp	25
28	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm CK-MB	Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người. Quy cách đóng gói: 1x1mL/Hộp	Hộp	3
29	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm CK-MB mức 2	Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người. Quy cách đóng gói: 1x1mL/Hộp	Hộp	3
30	Hóa chất dùng cho xét nghiệm C-Reactive Protein (CRP)	Phương pháp: LATEX;Dải đo:1.9 - 150 mg/L. Quy cách đóng gói: 4x60ml+4x15mL/Hộp	Hộp	21
31	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatin Kinase-MB (CK-MB)	Phương pháp đo quang. Dải đo:7.88 - 1000 U/L. Quy cách đóng gói: 2x60ml+2x15mL/Hộp	Hộp	3
32	Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm CK-MB	Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người. Quy cách đóng gói: 1x1mL/Hộp	Hộp	3
33	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine	Phương pháp: JAFFÉ COMPENSATED;Dải đo:0.04-20 mg/dL. Quy cách đóng gói: 5x60ml+5x60mL/Hộp	Hộp	13
34	Chất chuẩn cho xét nghiệm CRP/CRP-hs	Dạng bột đông khô, chứa huyết thanh người	Hộp	5

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
		Quy cách đóng gói: 1x1mL/Hộp		
35	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ethanol	Dải đo: 8.11 mg/dL - 300 mg/dL, phương pháp đo: ALCOHOL DEHYDROGENASE. Quy cách đóng gói: 2x20ml+2x7mL/Hộp	Hộp	7
36	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose	Phương pháp: Glucose oxidase/peroxidase; Dải đo: 3.6 - 500 mg/dL (0.199 - 27.5 mmol/L). Quy cách đóng gói: 10x60mL/Hộp	Hộp	42
37	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Hemoglobin A1c mức bệnh lý	Dạng bột đông khô, thành phần: máu ly giải hồng cầu từ người. Quy cách đóng gói: 1x0.5mL/Hộp	Hộp	1
38	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Hemoglobin A1c mức bình thường	Dạng bột đông khô, thành phần: máu ly giải hồng cầu từ người. Quy cách đóng gói: 1x0.5mL/Hộp	Hộp	1
39	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Hemoglobin A1C-Direct	Dải đo: 2 - 140 mmol/mol, phương pháp đo: DIRECT. Quy cách đóng gói: 1x60ml+1x12ml/Hộp	Hộp	2
40	Chất chuẩn dùng cho xét nghiệm HbA1C Direct	Dạng bột đông khô, thành phần: máu người. Quy cách đóng gói: 4Levelx0.5mL/Hộp	Hộp	1
41	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm Lipid mức 1	Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người. Quy cách đóng gói: 3x1mL/Hộp	Hộp	3
42	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm Lipid mức 2	Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người. Quy cách đóng gói: 3x1mL/Hộp	Hộp	3
43	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Protein toàn phần	Phương pháp: Biuret; Dải đo: 0.8-150 g/L. Quy cách đóng gói: 2x60ml+2x20mL/Hộp	Hộp	4
44	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Rheumatoid mức 1	Dạng bột đông khô, chứa huyết thanh người. Quy cách đóng gói: 3x1mL/Hộp	Hộp	4
45	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Rheumatoid mức 2	Dạng bột đông khô, chứa huyết thanh người. Quy cách đóng gói: 3x1mL/Hộp	Hộp	4
46	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglycerides	Phương pháp: Glycerol phosphate oxidase/peroxidase; Dải đo: 0.067 - 6.78 mmol/L. Quy cách đóng gói: 10x60mL/Hộp	Hộp	8
47	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea-BUN UV	Phương pháp: Urease / Glutamate dehydrogenase; Dải đo: 3.69 - 300 mg/dL. Quy cách đóng gói: 8x60ml+8x15mL/Hộp	Hộp	12

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
48	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid	Phương pháp: Uricase / peroxidase; Dải đo: 18.5 - 1487 $\mu\text{mol/L}$. Quy cách đóng gói: 10x60mL/Hộp	Hộp	3
49	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa; Thành phần: Baypur CX 100; Sodium Hydroxide 1 - 2%; Genapol X080 1 - 2%; Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri 1 - 5%. Chất vệ sinh cô đặc. Quy cách đóng gói: 1x5l/Can	Can	5
50	Hóa chất dùng cho xét nghiệm α -Amylase-Direct	Phương pháp: Direct substrate; Dải đo: 4.5 - 1300 U/L. Quy cách đóng gói: 8x20mL/Hộp	Lọ	1
51	Hóa chất dùng cho xét nghiệm γ - Glutamyltransferase (GGT)	Phương pháp: IFCC; Dải đo: 3.07 - 600 U/L. Quy cách đóng gói: 4x60ml+4x15mL/Hộp	Hộp	2
52	Cốc đựng mẫu (sample cup)	Thành phần: Polystyrene. Quy cách đóng gói: 1000cái/Túi	Túi	10
53	Bóng đèn 12V/20W	Bóng đèn Halogen, 12V, 20W Quy cách đóng gói: 1cái/Hộp	Cái	4
54	Dây bơm dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Làm bằng cao su và nhựa, dài 10.5 cm Quy cách đóng gói: 2cái/Túi	Cái	4
	Tổng cộng: 54 khoản			